

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP TIỀM NĂNG CÁC KHU VỰC BIỂN ĐẢO CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

VƯƠNG TẤN CÔNG,
PHẠM QUANG VINH, PHẠM HOÀNG HẢI

Tóm tắt: Điều tra tổng hợp lãnh thổ các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là một hướng nghiên cứu lớn cả về không gian lãnh thổ lẫn nội dung nghiên cứu với các mục đích hết sức cụ thể. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên lãnh thổ các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ với mục đích là tiến hành công tác điều tra cơ bản nhằm xây dựng một hệ thống tư liệu đầy đủ, đồng bộ, chi tiết về tài nguyên, các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội (KT – XH), nhân văn và môi trường cho một vùng lãnh thổ rộng lớn. Tuy nhiên ở giai đoạn hiện nay sự hiểu biết, nắm bắt về bản chất của nó lại còn khá mỏng, khá thiếu. Nghiên cứu này đề xuất xây dựng hệ tiêu chí cho đánh giá tổng hợp các nguồn lực trên lãnh thổ khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ. Các tiêu chí được xây dựng trên cơ sở các đặc trưng về khả năng đáp ứng tiềm năng tự nhiên, nguồn tài nguyên cho việc phân bố dân cư và định hướng sản xuất; và có thể được sử dụng trong đánh giá các khu vực có điều kiện tương tự.

Từ khóa: kinh tế biển, tài nguyên biển, tiêu chí, đánh giá tổng hợp tiềm năng

POTENTIAL FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN COASTAL AREAS AND COASTAL ISLANDS

Abstract: General territorial investigation of coastal areas and coastal island systems is a major research direction in both territorial space and research content with very specific purposes. Therefore, the research and comprehensive assessment of natural conditions and territorial natural resources in coastal areas and coastal island systems is not only for the purpose of conducting basic investigation and construction, synchronous, detailed archive of resources, natural, socio-economic, humanistic and environmental conditions for a large territory of the country. However, at the current stage, the understanding and grasp of the nature of the above factors is still quite thin and lacking. This study proposes to develop a criteria system for comprehensive assessment of resources in coastal areas and coastal island systems. The criteria are built on the basis of the characteristics of the ability to meet natural potentials, resources for population distribution and production orientation in the region. These criteria can then be used in evaluating areas with similar conditions.

Keywords: marine economy, marine resources, criteria, comprehensive assessment

1. Đặt vấn đề

Vấn đề phát triển kinh tế các khu vực biển đảo gắn với khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng

tự nhiên, tài nguyên cũng đã được nghiên cứu áp dụng rộng rãi trên thế giới. Từ kinh nghiệm của các nước, đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên,

tài nguyên cho mục đích phát triển KT - XH, ổn định đời sống dân cư trên các đảo với rất nhiều mục tiêu khác nhau; chủ yếu là gắn với phát triển kinh tế biển, đảm bảo an ninh, chủ quyền đã được thực hiện khá bài bản, mang tính chiến lược của mỗi nước.

Tại Việt Nam, thông qua việc tiến hành nhiều chương trình nghiên cứu điều tra tổng hợp cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành và địa phương đã có được cơ sở khoa học cần thiết để xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển ở các quy mô, các lĩnh vực khác nhau và ở mức độ nào đó đã bước đầu xem xét đến nhiệm vụ đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên, tài nguyên cho các mục đích ứng dụng thực tiễn ở các khu vực biển đảo cụ thể.

Ở khu vực phía Bắc, từ những năm 1930 - 1945, đã tiến hành khảo sát địa hình và thủy văn phục vụ cho việc chọn cảng chính cho Bắc Kỳ ở Hải Phòng, Hòn Gai hay Tiên Yên và định hướng phát triển tuyến kinh tế Hải Phòng - Lào Cai - Vân Nam (nay là hành lang kinh tế Hải Phòng - Côn Minh). Giai đoạn sau 1954 đến 1975, các công trình điều tra khảo sát chú trọng nhiều vào thủy văn, địa hình và khí hậu của khu vực nghiên cứu. Đã có các chương trình hợp tác Việt - Trung, Việt - Nga và Việt - Đức ở ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ và một số đề tài quốc gia ở ven bờ Bắc Bộ. Về nghiên cứu địa chất và khoáng sản nổi bật nhất là công trình hợp tác Việt - Nga xây dựng bản đồ tỷ lệ 1/500.000. Trong thời gian 1975 - 2000, thông qua các chương trình nghiên cứu biển, chương trình bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai, các đề tài/dự án độc lập và đặc biệt là các dự án hợp tác quốc tế, các kết quả điều tra nghiên cứu ở khu vực này đã phong phú hơn nhiều, được nâng cao về chất lượng và bắt đầu có tính hệ thống [1]. Đáng chú ý là đã có nhiều công trình, đề tài cấp

nhà nước được triển khai như công trình thuộc nhiệm vụ Biển Đông - Hải đảo “Điều tra tổng hợp hệ thống đảo ven bờ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và di dân ra đảo” [3].

Đối với khu vực ven biển Trung Bộ và Nam Bộ, trong một vài thập niên vừa qua cũng đã có một số các công trình nghiên cứu mang tính điều tra cơ bản, đánh giá tổng hợp các điều kiện địa lý tự nhiên, địa chất và khoáng sản, nghiên cứu đa dạng sinh học nhằm giải quyết nhiệm vụ khai thác, sử dụng tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương liên quan. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu ở khu vực lãnh thổ này so với khu vực phía Bắc còn khá khiêm tốn và chưa mang tính tổng thể để giải quyết một cách cơ bản những nhiệm vụ quan trọng đối với phát triển chung của vùng. Tuy vậy, ở hầu hết các công trình này các kết quả đưa ra còn mang tính biệt lập, với các mục tiêu riêng và chưa có mối liên kết cụ thể, chưa đề cập nhiều về mối liên kết hữu cơ, cần thiết của việc quy hoạch bố trí dân cư gắn với phát triển - mục tiêu phát triển bền vững, lâu dài của các đảo.

Trên toàn bộ hệ thống đảo và các huyện đảo ven bờ trong phạm vi nghiên cứu hầu hết đều đã có bản quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH và quy hoạch cho các ngành riêng như nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, du lịch - dịch vụ... Tuy nhiên, nhìn chung các mô hình này còn mang tính đơn lẻ với quy mô không lớn và nhất là chưa có sự gắn kết, phù hợp trong tổng thể phát triển chung của cả vùng. Điều này là minh chứng cụ thể, sự khẳng định rất rõ về tính cấp thiết, ý nghĩa thực tiễn to lớn của nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Đặc biệt, việc quy hoạch phát triển KT - XH theo hướng bền vững, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên vốn khá hạn hẹp trên các đảo sẽ đem lại cho mỗi quốc gia và đặc biệt cho các khu vực biển đảo cụ thể những lợi ích lớn về phát triển

kinh tế, bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên, tài nguyên, điều kiện kinh tế, xã hội và nhân văn cho phát triển KT - XH nói chung và đánh giá tổng hợp tiềm năng các khu vực biển đảo cho phát triển kinh tế với các tiêu chí, hệ thống các tiêu chí, nguyên tắc đánh giá được đề xuất bởi các nhà nghiên cứu về tự nhiên và các nhà địa lý [7]. Trong nghiên cứu này, phương pháp thang điểm tổng hợp có trọng số của Mukhinna được sử dụng. Phương pháp đánh giá này phản ánh bản chất của quá trình đánh giá có mối liên quan giữa chủ thể và khách thể có dạng như sau: tiêu chí đặc trưng của chủ thể → các tiêu chí tương ứng với trạng thái của các yếu tố khách thể → đánh giá.

Trong đó: chủ thể được xem xét lựa chọn từ đặc điểm đặc trưng các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các đặc trưng kinh tế, xã hội và nhân văn như các tiêu chí đánh giá, còn khách thể là các ngành sản xuất, kinh tế hay các đơn vị lãnh thổ được xem xét đánh giá cho mục đích phát triển [8].

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hệ thống tiêu chí lựa chọn để đánh giá chung cho lãnh thổ các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ

Đối với lãnh thổ nghiên cứu là hệ thống các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ Việt Nam - một vùng lãnh thổ khá rộng lớn với sự phong phú, đa dạng, phức tạp của các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên thì hướng sử dụng lãnh thổ (mục đích) và mức độ của nó nhìn chung rất khác nhau. Nguyên tắc chung và liên quan là các nội dung đánh giá và sự lựa chọn các tiêu chí đánh giá theo đặc trưng của các hợp phần tự nhiên, KT - XH của lãnh thổ nhưng phải

được xem xét, tính toán cụ thể, chi tiết đến những đặc thù biển đảo.

Về lý luận chung, những vấn đề quan trọng nhất đối với sự phát triển chung các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ hầu hết đều xuất phát và gắn liền với biển. Do đó, trong quá trình lựa chọn hệ thống các chỉ tiêu đánh giá bao gồm những nội dung lớn, quan trọng như sau [5, 6]:

(1) Vị thế của lãnh thổ các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ

Trong hệ thống tiêu chí này sẽ đề cập đến cả vị trí địa lý, đặc trưng phân bố, mối quan hệ hữu cơ của chúng với các khu vực khác phần lục địa và trên biển. Tuy nhiên, đặc điểm quan trọng nhất vẫn là vị thế của nó đối với chiến lược phát triển kinh tế biển, chiến lược đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước.

(2) Nhóm các tiêu chí đặc điểm đặc thù của điều kiện tự nhiên, tài nguyên biển

Quá trình đánh giá riêng chức năng tự nhiên của các yếu tố hợp phần của biển sẽ bao gồm: việc đánh giá điều kiện hải văn, quy luật phân bố, phân hoá dòng chảy biển, chế độ thủy triều và đặc biệt đối với một số ngành sản xuất kinh tế, những đặc trưng về chất lượng nước biển, đặc trưng phân bố các nguồn tài nguyên, các ngư trường (khoảng cách, điều kiện thuận lợi hay sự biến động của chúng theo các mùa trong năm...).

(3) Hệ thống các tiêu chí khác như đặc điểm địa hình đáy, vị trí phân bố các vũng, vịnh cũng là các tiêu chí cần được xem xét, cho điểm khi đánh giá cụ thể cho phát triển ngành giao thông biển (điều kiện để có thể xây dựng cảng, cầu cảng, điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và neo đậu tàu thuyền...).

Đối với phần các đảo nổi, hệ thống các tiêu chí đánh giá cho các ngành sản xuất kinh tế khác có thể lựa chọn từ các đặc điểm chung của các yếu tố thành phần của tự nhiên với các nguyên

tắc và thủ pháp tiến hành mang tính truyền thống của phương pháp đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các điều kiện kinh tế, xã hội và nhân văn cho các mục đích thực tiễn phát triển.

Từ những mục tiêu đánh giá tổng hợp lãnh thổ để định hướng các ngành sản xuất, kinh tế theo các vùng địa lý tự nhiên Việt Nam, thì ngoài việc đánh giá để lựa chọn những ngành sản xuất ưu tiên cho từng vùng theo mức độ “thích hợp”, “tương đối thích hợp”, còn phải chú trọng đánh giá cho nhiều ngành khác nhau. Đây cũng chính là nguyên tắc quan trọng khi đánh giá tổng hợp khép kín cho một lãnh thổ như ở các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ của nước ta cho nhiều mục đích khác nhau. Đối với phần đảo nổi và các khu vực biển nông quanh đảo, trong phần nội dung đánh giá đã sử dụng bản đồ phân loại cảnh quan để thực hiện việc đánh giá. Đơn vị cơ sở được sử dụng để xây dựng các định hướng sử dụng lãnh thổ cho các ngành sản xuất, kinh tế mang tính chiến lược là các dạng cảnh quan, do đó các kết quả đánh giá sẽ mang tính vừa tổng quan vừa chi tiết cho từng khu vực lãnh thổ này.

Từ những quan điểm đánh giá tổng hợp chung, có thể cụ thể hóa các nội dung và các bước tiến hành đánh giá tiềm năng cho phát triển KT - XH các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ như sau:

(1) Các khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là những lãnh thổ tiên tiêu trong tuyên bảo vệ chủ quyền quốc gia. Vấn đề đảm bảo an ninh quốc phòng là tiêu chí đặc biệt cho đánh giá phát triển KT - XH khu vực. Đây là ưu tiên hàng đầu của hoạt động khai thác lãnh thổ khu vực ven biển và các đảo;

(2) Đánh giá tổng hợp tiềm năng khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là sự gắn kết chặt

chẽ, hài hoà giữa các mục tiêu đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia và phát triển kinh tế, ổn định xã hội;

(3) Việc đánh giá khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ cần được đặt trong một hệ thống tự nhiên mở, hệ thống này được cấu thành từ các phụ hệ thống "ven biển", "đảo" và "biển", gồm các hệ sinh thái đặc thù và độc lập với nhau, nhưng lại có mối quan hệ rất mật thiết và có những tác động tương hỗ với nhau. Do đó, nghiên cứu, đánh giá tổng hợp không thể tách rời phần ven biển, biển và phần đảo;

(4) Hệ tiêu chí cho đánh giá tổng hợp các nguồn lực trên lãnh thổ khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ, được xây dựng trên cơ sở các đặc trưng về khả năng đáp ứng tiềm năng tự nhiên, nguồn tài nguyên cho việc phân bố dân cư và định hướng sản xuất;

(5) Không gian biển được xác định có vai trò quan trọng trong giao lưu hàng hoá, văn hoá và là địa bàn khai thác nguồn lợi biển của các quốc gia biển. Không gian biển cho phép triển khai nhiều hoạt động phát triển khác nhau, từ hậu cần nghề cá, phát triển năng lượng, phát triển du lịch, xây dựng các cơ sở chuyển tải, dầu khí, dịch vụ hậu cần ở các sân bay và khu đô thị... Đây là đặc thù của hệ thống mở tự nhiên - xã hội - nhân văn rất cần thiết trong xây dựng định hướng phát triển KT - XH lãnh thổ;

(6) Khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là cầu nối cho việc phát triển kinh tế biển và các đảo nổi là những căn cứ cho các hoạt động khai thác các lợi thế và nguồn lợi biển. Vì vậy, việc đánh giá tiềm năng khu vực ven biển và các đảo không thể không gắn với các trung tâm kinh tế ven biển.

3.2. Các tiêu chí lựa chọn đánh giá tổng hợp phát triển KT - XH biển đảo

(1) Tiêu chí đánh giá vị thế hệ thống đảo

Vị thế được hiểu là những lợi thế so sánh về mặt địa lý, về khả năng khai thác các giá trị vật chất và phi vật chất của một đơn vị lãnh thổ nhất định. Tiềm năng vị thế được biết đến thông qua việc phân tích, đánh giá hoặc khả năng phát hiện của chủ thể quản lý, chủ sở hữu hoặc các chuyên gia tư vấn phát triển đối với đơn vị lãnh thổ đó.

Các thông tin từ phân tích tiềm năng vị thế của một đơn vị lãnh thổ ven biển - biển - đảo có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong tổ chức lãnh thổ, trong quy hoạch phát triển, trong lập chiến lược và định hướng sử dụng không gian ven biển - biển - đảo.

Vị thế lãnh thổ khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ còn thể hiện trong tiềm năng liên kết với các trung tâm kinh tế lớn ven biển, nối các tuyến đường biển với hệ thống giao thông đường bộ trên đất liền, làm thành các cầu nối chuyển giao nguyên vật liệu, hàng hoá giữa đất liền với các hoạt động kinh tế trên biển - đảo. Hầu hết lãnh thổ khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ có vị trí gắn với đất liền nên có nhiều lợi thế phát triển, nhưng lại kém ưu thế hơn các đảo xa bờ, nhất là khả năng khai thác nguồn lợi biển khơi.

(2) Tiêu chí về sức chứa và khả năng đáp ứng của các đảo về nhu cầu tài nguyên và điều kiện môi trường

Một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá tổng hợp lãnh thổ khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là khả năng đáp ứng nhu cầu tài nguyên cho phát triển KT - XH. Xuất phát từ đặc điểm các đảo ven bờ Việt Nam đều có diện tích không lớn, do vậy tiềm năng tài nguyên trên đảo là rất hạn chế, nhất là quỹ tài nguyên đất; tài nguyên nước (kể cả nước mặt và nước ngầm); nguyên, nhiên liệu và năng lượng cho các hoạt động xây dựng, sản xuất và cho hoạt động sống, phần lớn các diện tích rừng

không chỉ trên đảo có người sinh sống mà các đảo kề bên đã bị phá trụi chỉ vì nhu cầu chất đốt, đã làm mất nguồn sinh thủy cho các dòng suối và khả năng tích trữ nước ngầm tầng nông trên đảo.

(3) Tiêu chí về khoảng cách với đất liền

Đây là tiêu chí áp dụng cho hệ thống các đảo, có rất nhiều ý nghĩa, có thể thuận lợi cho mục đích này nhưng lại không thuận lợi cho mục đích khai thác kinh tế khác. Tuy nhiên nếu đảo càng gần đất liền, gần các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế mở, khu chế xuất thì càng có lợi thế phát triển, nhất là phát triển các ngành dịch vụ cho các nhu cầu của các trung tâm kinh tế lớn, đặc biệt là nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ cuối tuần, du lịch sinh thái... Khoảng cách gần với đất liền cho phép giảm nhẹ những nhu cầu về đời sống xã hội như giáo dục, y tế, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

(4) Tiêu chí về mức độ thuận tiện và mức độ an toàn giao thông trên biển

Cầu nối giữa khu vực các đảo và đất liền là các tuyến giao thông đường biển, điều này phụ thuộc rất nhiều vào địa hình đáy biển, luồng lạch ra vào các cảng, bến đỗ; vào các điều kiện khí tượng - hải văn vùng biển và quan trọng hơn cả là chất lượng phương tiện vận chuyển. Mức độ thuận tiện có thể được tăng lên khi các phương tiện giao thông được trang bị tốt hơn, năng lực vận chuyển và trang bị an toàn được nâng cao, như trường hợp các đội tàu vận chuyển hành khách ra Lý Sơn được chú trọng đầu tư đã làm cho mức độ an toàn cao hơn, thời gian chạy tàu giảm xuống và chạy được những trường hợp sóng lớn hơn.

(5) Tiêu chí về các điều kiện tự nhiên

Các phụ hệ thống "ven biển", "đảo" và "biển" có những đặc thù riêng về các điều kiện tự nhiên,

như đặc điểm nước mặt, nước ngầm; đặc điểm thời tiết, khí hậu, gió mùa, nhiệt độ, độ ẩm, gió mùa... Vùng biển có sự tương tác của các đặc điểm hải văn như sóng, hải lưu, độ mặn, thủy triều... cùng với các điều kiện thời tiết, khí hậu trên vùng biển.

Hệ thống ven biển - biển - đảo có chung các đặc điểm về thời tiết, khí hậu của môi trường không khí trên biển đảo, song trên đảo có những đặc điểm tự nhiên riêng mà dưới biển không có và ngược lại dưới biển có những đặc thù mà không thấy trên đảo. Vì vậy, việc đánh giá các điều kiện tự nhiên của các phụ hệ thống này cần được đồng nhất hoá các tiêu chí, sao cho các cặp tiêu chí có được độ đồng nhất tương đối để đánh giá mức độ tương đồng ở phần lục địa ven biển, trên các đảo nổi và dưới biển. Trong quá trình đánh giá cần chú trọng đến hệ số ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên trên biển, vì đảo nổi được môi trường biển bao quanh và diện tích đảo nổi chỉ chiếm một phần rất nhỏ của không gian biển đảo, nên các quá trình tự nhiên biển thường chiếm ưu thế.

(6) Tiêu chí về tiềm năng tài nguyên

Tiềm năng tài nguyên huyện đảo cấu thành từ nguồn tài nguyên trên đảo và dưới biển. Tiềm năng tài nguyên trên đảo thường không lớn nhưng quan trọng, trong đó quan trọng nhất là nguồn tài nguyên nước, rồi đến nguồn tài nguyên đất, tài nguyên du lịch, tài nguyên khí hậu. Trong định hướng phát triển kinh tế biển 2006 - 2010 đã chỉ rõ phải đặc biệt phát triển nhanh các ngành đã được xác định là mũi nhọn cho kinh tế biển như cảng biển và kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí, nuôi trồng và đánh bắt hải sản, du lịch biển đảo. Định hướng phát triển này gắn liền với các ưu thế tài nguyên của các đảo.

(7) Tiêu chí về mức độ rủi ro, thiên tai

Trong quá trình đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên thường hay sử dụng các tiêu chí giới hạn để đánh giá một số yếu tố đột biến của tự nhiên có thể làm ngăn cản quá trình phát triển, thông thường các yếu tố này gắn với những thiên tai, ví dụ như các hiện tượng thời tiết bất lợi như giông, bão, nước dâng, sóng thần, thủy triều.

Trên lãnh thổ các huyện đảo thường gặp gió lớn. Vì địa hình thấp nên gió mùa về thường kèm theo gió mạnh trên các vùng biển đảo. Gió mạnh có ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến việc triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội, như gió thường xuyên và liên tục trên đảo là điều kiện thuận lợi cho bố trí các trạm phong điện, nhưng nhiều khi gió mạnh giật gãy cánh quạt gió, thậm chí làm gãy cả cột quay gió. Gió cũng thường thổi bay cả các tấm pin điện mặt trời.

Môi trường biển và đặc điểm phân bố đôi khi khá đơn lẻ của các đảo trong cơ cấu các huyện đảo thường dẫn đến mức độ rủi ro cao về thiên nhiên. Vì trên vùng biển mênh mông, hoạt động trên biển sóng to, gió lớn, nhiều ngày lênh đênh trên biển xa, thậm chí nhiều ngày trên hải phận quốc tế nên khai thác kinh tế biển, nhất là công việc đánh bắt xa bờ, giao thông vận chuyển hàng hóa, hành khách trên biển, thăm dò và khai thác dầu khí là những công việc có độ mạo hiểm cao hơn trên đất liền.

Ngoài ra, còn những rủi ro đối với mức độ nhạy cảm của các nguồn tài nguyên, do phần lớn các đảo trong hệ thống đảo Việt Nam là đảo nhỏ, nên các hệ sinh thái rất mong manh. Ví dụ, trên đảo Cù Lao Chàm đã từng có dòng chảy thường xuyên, nhưng do thảm thực vật bị tàn phá nặng nề đã chuyển từ dòng chảy thường xuyên sang dòng chảy tạm thời theo mùa. Tương tự như vậy,

rừng trên đảo Lý Sơn bị khai thác cạn kiệt, mức độ tái sinh thực vật trên các đảo thường chậm hơn nhiều so với trên đất liền, nên các hệ sinh thái rất nhạy cảm, dễ bị biến đổi [6].

4. Kết luận và khuyến nghị

Trong chiến lược phát triển kinh tế biển thì khu vực ven biển và hệ thống đảo ven bờ là cầu nối cho việc phát triển kinh tế biển và các đảo nổi là những căn cứ nổi cho các hoạt động khai thác các lợi thế và nguồn lợi biển. Vì thế, việc

đánh giá tiềm năng khu vực ven biển và các đảo không thể không gắn với các trung tâm kinh tế ven biển.

Dựa trên tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, nghiên cứu này đề xuất định hướng các tiêu chí sử dụng để đánh giá, nhằm lượng hóa đóng góp của từng cấu thành trong đánh giá tổng thể tiềm năng của đảo. Các tiêu chí có thể được sử dụng trong các khu vực có đặc điểm tương đồng tại Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đức An (chủ biên) và nnk (1991), *Nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên dải ven biển và hải đảo ven bờ, báo cáo tổng hợp*, Đề tài: 48B.05.01, chương trình nghiên cứu biển, Viện Khoa học Việt Nam, Hà Nội.
2. Lê Đức An (1993), *Các vấn đề về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội hệ thống đảo ven bờ Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội biển*, Báo cáo đề mục, đề tài KT.03.12, Viện Địa lý, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
3. Phạm Hoàng Hải và nnk (1990), *Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên sinh thái và tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ẩm dải ven biển Việt Nam phục vụ mục đích phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và bảo vệ môi trường*, Đề tài 48B.05.01, Chương trình nghiên cứu biển, Tài liệu lưu trữ viện Địa lý - Viện KHCN Việt Nam, Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh (1997), *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
5. Phạm Hoàng Hải (2006), *Đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên - kinh tế xã hội, thiết lập cơ sở khoa học các giải pháp kinh tế - xã hội bền vững cho một số huyện đảo*, Báo cáo đề tài KC.09.20. Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.
6. Phạm Hoàng Hải (2010), *Các huyện đảo ven bờ Việt Nam tiềm năng và định hướng phát triển*, Nxb. KHTNCN, Hà Nội, 355 tr.
7. Nguyễn Cao Huân (2005), *Đánh giá cảnh quan (theo hướng tiếp cận kinh tế sinh thái)*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
8. Nguyễn Khanh Vân (2008), *Sử dụng phương pháp thang điểm có trọng số đánh giá tổng hợp tài nguyên khí hậu cho du lịch nghỉ dưỡng (tại một số trung tâm du lịch ở Việt Nam)*, Tạp chí các khoa học về Trái đất số 30 (4) tr.356 - 362.
9. Vũ Tự Lập (1999), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
10. Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, NXB Thế giới, Hà Nội.
11. Lê Đức Tổ (chủ nhiệm) và nnk (2005), *Luận chứng khoa học về mô hình phát triển kinh tế- sinh thái trên một số đảo, cụm đảo lựa chọn thuộc vùng biển ven bờ Việt Nam*, Đề tài cấp nhà nước KC.09-12.

Thông tin tác giả:

Vương Tấn Công - Học viện Khoa học và Công nghệ;
Phòng Quản lý môi trường, Cục Y tế - Bộ Công an
Địa chỉ: số 47 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: vuongtancong@gmail.com; Điện thoại: 0913316559
Phạm Quang Vinh, Phạm Hoàng Hải - Viện Địa lý,
Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 15/03/2023
Biên tập: 6/2023